

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HÒA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HSST.

Ngày: 15 - 4 - 2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiêm

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Chu Xuân Tùng – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2024/TLST - HS ngày 26 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST - HS ngày 01 tháng 3 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa ngày 01 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Quốc B; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 11/03/2007 tại huyện H, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: khu B, xã G, huyện H, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Bố đẻ: Bùi Đức T, sinh năm 1978; Mẹ đẻ: Tống Thị N, sinh năm 1985, Hiện ở xã G, huyện H, tỉnh Phú Thọ; Vợ, con: Chưa có; Anh chị em ruột: Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã G, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

2. Họ và tên: Bùi Đức T; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 30/09/1978 tại huyện H, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: khu B, xã G, huyện H, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Bố đẻ: Bùi Xuân T1, sinh năm 1952. Hiện ở xã G, huyện H, tỉnh Phú Thọ; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị L (đã chết). Vợ: Tống Thị N, sinh năm 1985. Hiện ở xã G, huyện H, tỉnh Phú Thọ; Con: 03 người. Lớn nhất sinh năm 2007, N1 nhất sinh năm 2020; Anh chị em ruột: Gia đình bị cáo có 05 chị em, Bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân : Ngày 05/03/2013 Bùi Đức T bị Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh nhau với mức phạt 750.000 đồng, T đã nộp phạt xong ngày 05/03/2013.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã G, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

* Người đại diện cho bị cáo B: Chị Tổng Thị N, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Khu B, xã G, huyện H, tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

* *Người bào chữa cho bị cáo B:* Bà Bùi Thị Thanh N2 - Trợ giúp viên pháp lý, trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt) .

* *Người bào chữa cho bị cáo T:* Bà Đỗ Hồng N3 - Trợ giúp viên pháp lý, trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt) .

- *Người bị hại:* Chị Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu B, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ (đã chết).

* Đại diện cho bị hại: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khu B, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Ngô Minh Q, sinh năm 2008; Địa chỉ: Khu B, xã Á, huyện H, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

Đại diện cho Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Hồng L1, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khu B, xã Á, huyện H, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị Thu N4, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu A, xã P, huyện H, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/09/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện H nhận được phiếu chuyển nguồn tin về tội phạm của Phòng C công an tỉnh P có nội dung:

Khoảng 20 giờ 35 phút ngày 02/09/2023 tại km 20+450, QL70B thuộc địa phận khu D thị trấn H, huyện H xảy ra vụ tai nạn giao thông giữa xe mô tô không gắn BKS có số khung RL9BCBAUMKBL04158 do Ngô Minh Q, sinh năm 2008 ở khu 2 xã Á điều khiển chở sau Lê Đức A, sinh năm 2008 ở khu A xã P đi theo hướng xã Á đi xã B và xe mô tô BKS 19H1 – 131.44 do chị Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1983 ở khu B, thị trấn H điều khiển đi từ QL2D vào QL70B. Sau đó xe mô tô BKS 19X1-7680 do Bùi Quốc B, sinh năm 2007 ở khu B, xã G điều khiển đi một mình hướng xã Á đi xã B đi đến va chạm với xe mô tô do Q điều khiển, sau đó tiếp tục đâm vào chị T2 đang bị

ngã trên mặt đường. Hậu quả 3 xe mô tô bị hư hỏng nặng, chị T2, anh Q, anh B bị thương. Đến 03 giờ ngày 03/09/2023 thì chị T2 tử vong.

Quá trình điều tra đã được xác định như sau: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 02/09/2023, Bùi Đức T sinh năm 1978 ở khu 2 xã G, huyện H điều khiển xe mô tô BKS 19X1 – 7680 (có dung tích xi lanh 107cm³) đi làm về nhà tại khu B xã G, huyện H. Khi về đến nhà thì Bùi Quốc B, sinh ngày 11/03/2007 (là con trai của T) hỏi mượn T chiếc xe trên để đi ra ngoài chơi, T đồng ý và nói với B là xe hết xăng đồng thời T đưa cho B số tiền 50.000đ để đi đổ xăng, sau đó B đi đổ xăng hết 40.000đ còn số tiền 10.000đ Bảo giữ lại trong người.

Sau khi đổ xăng xong thì B điều khiển xe đi đến khu vực ngã 3 C thuộc khu H xã Á, huyện H để chơi. Tại đây B gặp một nhóm bạn trong đó có Ngô Minh Q, sinh ngày 31/03/2008 ở khu 2 xã Á; Đinh Anh T3, sinh ngày 29/04/2009 ở khu 4 xã Á và Lê Đức A, sinh 22/11/2008 ở khu A xã P.

Sau đó B cùng các bạn rủ nhau đi ra cầu H thuộc thị trấn H để uống nước. Lúc này Q điều khiển xe gắn máy không gắn biển kiểm soát chờ theo Anh còn B điều khiển xe của mình chờ theo T3, cả nhóm di chuyển theo QL70B hướng xã Á đi cầu H, khi đi được khoảng 1 km thì T3 chuyển sang xe của Ngô Quang M, sinh năm 2008 ở khu B xã Á, còn B điều khiển xe một mình. Khi điều khiển xe cách cầu H khoảng 200m thì B đi với tốc độ khoảng 50 đến 60km/h, lúc này B phát hiện phía trước là xe của Q đang cách xe của B khoảng 30m. Khi đi đến khu vực cầu vượt đường sắt cách ngã tư cầu H khoảng 120m thì đèn chiếu sáng phía trước xe của B bị hỏng, không còn hoạt động, thấy vậy B đã giảm ga và vỗ vào đầu xe nhưng đèn xe vẫn không hoạt động trở lại. Sau đó B quan sát phía trên cầu H có đèn đường chiếu sáng nên B đã tăng ga cho xe di chuyển với tốc độ khoảng 60 đến 80km/h.

Cùng lúc này thì Q đang điều khiển xe đi trước B với tốc độ khoảng 60km/h, khi Q đang đi xuống dốc để lên cầu H thì Q thấy phía trước trên khu vực cầu H có ánh đèn đường chiếu sáng nên Q đã tắt đèn chiếu sáng phía trước của xe và tiếp tục điều khiển xe đến khu vực ngã 4 cầu H. Sau đó xe của Q có vượt qua một chiếc xe đi cùng chiều thì Q quay đầu lại xem là ai, do không xác định được đã vượt qua ai nên Q quay đầu lại thì phát hiện phía trước cách Q khoảng 10 đến 13m có chị Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1983 ở khu B thị trấn H đang điều khiển xe mô tô BKS 19H1 – 131.44 di chuyển từ bên trái sang bên phải đường (theo chiều đi của Q), lúc này xe của chị T2 đang sang bên phải đường theo chiều đi của Q. Thấy xe chị T2 di chuyển sang đường, Q đạp chân phanh nhưng xe không dừng lại nên phần bánh xe phía trước của Q đâm vào chỗ để chân phía trước bên phải xe của chị T2, sau va chạm xe của chị T2 đổ nghiêng về bên phải trên mặt đường, chị T2 ngã văng xuống đường sau đó chị T2 tự ngồi dậy trên mặt đường lưng quay hướng bên

phải đường, mặt quay hướng bên trái đường theo chiều đi của Q, còn xe của Q đổ nghiêng sang trái, Q và A ngã văng xuống mặt đường. Thấy có vụ tai nạn xảy ra nên anh Mai Xuân H1, sinh năm 1979 ở khu D thị trấn H, huyện H (đang bán hàng nước ở gần đó) có chạy ra thì thấy chị T2 đang ngồi dậy, sau đó anh H1 đã ra hiệu cho các xe khác là có tai nạn, khi đang ra tín hiệu cho các xe thì anh H1 thấy có 01 xe máy đi với tốc độ cao hướng từ xã Á đi xã B cách vị trí vụ tai nạn khoảng 60 đến 70m, thấy vậy anh H1 hô lên có tai nạn nhưng người điều khiển xe máy vẫn lao vào hiện trường vụ tai nạn.

Đồng thời lúc này B đang điều khiển xe mô tô BKS 19X1 – 7680 đi đến vị trí vụ tai nạn giữa xe của Q và chị T2, khi cách vị trí vụ tai nạn khoảng 19m Bảo phát hiện trên mặt đường là 02 xe của chị T2 và Q nằm đổ nghiêng trên đường. Do đi nhanh nên B đã không kịp phanh dẫn đến phần bánh xe phía trước của B đã đâm vào phần đuôi xe máy của Q đang đổ ở phần đường bên phải theo chiều đi của B. Sau khi va chạm với xe của Q thì xe của B mất lái di chuyển về phía trước theo hướng ra giữa đường thì tiếp tục đâm vào chị T2 đang ngồi trên mặt đường. Bị xe của B đâm trúng chị T2 bị hất văng đẩy về phía trước, còn xe của B thì trượt lết trên mặt đường hướng về cầu H đoạn rồi dừng lại. Hậu quả chị T2, Q và Đức A bị thương được mọi người đưa đến Trung tâm y tế huyện H cấp cứu. Do thương tích nặng chị T2 được đưa đến bệnh viện đa khoa tỉnh P cấp cứu, đến ngày 03/09/2023 thì chị T2 tử vong.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông ngày 02/09/2023 thể hiện:

1. Mô tả hiện trường chung nơi xảy ra tai nạn:

Hiện trường nơi xảy ra tai nạn là nơi đường bộ giao nhau giữa đường Q, Quốc lộ B và đường vào chợ H2 mới, trên mặt đường Q có vạch kẻ đường màu vàng, đứt nét rộng 0,15m chia đường thành hai chiều xe chạy ngược nhau nối tiếp với vạch kẻ đường màu vàng nét liền rộng 0,15m, tầm nhìn thoáng, trên mặt đường Quốc lộ 2D có vạch kẻ đường màu vàng, đứt nét rộng 0,15m, có hình dạng cong từ trái sang phải (theo hướng xã Á đi xã B) nối tiếp vào vạch kẻ đường màu vàng đứt nét trên mặt đường QL70B; trên mặt đường vào chợ H2 mới có vạch kẻ đường màu vàng, đứt nét rộng 0,15m có hình dạng cong từ phải sang trái (theo hướng xã Á đi xã B) nối tiếp vào vạch kẻ đường màu vàng, đứt nét trên mặt đường QL70B. Mặt đường QL 70B được rải nhựa áp phan rộng 21,90m, lề đường phải rộng 0,45m (phải trái tính theo chiều xã Á đi xã B), lề đường trái rộng 0,50m, tiếp giáp với lề đường phải và lề đường trái là hộ lan kim loại cao 0,70m, rộng 0,10 m. Lối mở bên phải đường đi chợ H2 mới rộng 45,0m. Lối mở bên trái là QL2D, lối mở rộng 59m. Hai bên đường không có đèn đường chiếu sáng, không có nhà dân, cơ quan và doanh nghiệp nào.

2. Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết. Các dấu vết để lại trên hiện trường được đánh số thứ tự từ 1 đến 11: Số (1): Là vết cày trượt; Số (2) Là vị trí xe mô tô BKS 19H1 – 131.44; Số (3) Là vết dầu loang; Số (4) Là vị trí xe mô tô không gắn BKS; Số (5) Là vết trượt màu đen; Số (6) Là vết trượt màu đen; Số (7) Là vùng mảnh vỡ; Số (8) Là vùng dịch màu nâu đỏ; Số (9) Là vùng dịch màu nâu đỏ; Số (10) Là vết cày trượt; Số (11) Là vị trí xe mô tô BKS 19X1 – 7680.

3. Xác định điểm mốc và một trong các mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn

Xác định điểm mốc là cột tiêu số H5/20 nằm trên hộ lan tiếp giáp lề đường phải, cách mép đường phải 0,45m cao 0,70m, tất cả các dấu vết được đo đến mép đường phải (phải trái tính theo chiều xã A đi xã B) nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn, tất cả các dấu vết được đo đến mép đường phải, chiều hướng khám nghiệm theo hướng xã A đi xã B

4. Mô tả theo số thứ tự vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết.

Số (1): Là vết cày trượt nằm trên mặt đường làn đường phải, có chiều hướng xã A đi xã B, chệch chéo từ trái sang phải, có kích thước 0,36mx0,002m. Đo từ điểm đầu số (1) về hướng xã B, chệch chéo vào lề đường phải 42,10m là cột tiêu số H5/20, đo đến vạch kẻ đường màu vàng, đứt nét trên Quốc lộ G B là 1,60m, đo đến mép đường phải là 7,60m. Đo từ điểm cuối đến mép đường phải là 7,40m

Số (2): Là vị trí xe mô tô BKS 19H1 – 131.44 sau khi xảy ra va chạm đổ nghiêng sang phải, nằm trên mặt đường làn đường phải. Đầu xe quay hướng xã B, chệch chéo sang mép đường trái. Đo từ trục trước xe mô tô về hướng xã A 1,35m là điểm đầu số (1), đo đến mép đường phải là 8,0 m. Đuôi xe quay hướng xã A, chệch chéo vào mép đường phải, đo từ trục sau xe mô tô đến mép đường phải là 7,30m

Số (3): Là vết dầu loang, không rõ hình dạng, có chiều hướng xã A đi xã B, có kích thước 1,60m x 0,40m. Đo từ điểm đầu số 3 về hướng xã A, chệch chéo từ trái sang phải 1,60m là trục trước số (2) đo đến mép đường phải là 6,50m. Đo từ điểm cuối số (3) đến mép đường phải là 7,50m.

Số (4): Là vị trí xe mô tô không gắn BKS có số khung RL9BCAUIVKBL 04158 sau khi xảy ra va chạm đổ nghiêng sang trái, nằm trên mặt đường làn đường phải, đầu xe quay hướng xã B đo từ trục trước mô tô về hướng xã A, chệch chéo từ trái sang phải 4,50m là điểm đầu số (3) đo đến mép đường phải là 4,90m. Đuôi xe quay hướng Âm Hạ, đo từ trục sau xe mô tô đến mép đường phải là 5,30m

Số (5): Là vết trượt màu đen, nằm trên mặt đường làn đường phải, có chiều hướng xã A đi xã B, chệch chéo từ trái sang phải, có kích thước 7,50m x 0,06m. Đo từ điểm đầu số (5) về hướng xã A chệch chéo từ phải sang trái

2,40m là trục trước số (4) đo đến mép đường phải là 7,55m. Đo từ điểm cuối đến mép đường phải là 6,90m.

Số (6): Là vết trượt màu đen, một phần nằm trên mặt đường làn đường phải một phần nằm trên vạch kẻ liền màu vàng và một phần nằm trên mặt đường làn đường trái, có chiều hướng xã Á đi xã B, chệch chéo từ phải sang trái có kích thước 3,50m x 0,05m. Điểm đầu nằm trên mặt đường làn đường phải. Đo từ điểm đầu về hướng xã Á, chệch từ phải sang trái 3,85m là điểm đầu số (5) đo đến mép đường phải là 9,20m. Điểm cuối nằm trên mặt đường làn đường trái đo từ điểm cuối đến mép đường phải là 9,90m

Số (7): Là vùng mảnh vỡ, nằm trên mặt đường hai làn đường phải và trái không rõ hình dạng, có kích thước 29,50m x 9,0m. T4 số (7) nằm trên mặt đường làn đường phải, đo từ tâm số (7) về hướng xã Á, chệch chéo từ trái sang phải 3,80m là điểm đầu số (6), đo đến mép đường phải là 6,50m

Số (8): Là vùng dịch màu nâu đỏ, nằm trên mặt đường làn đường trái, không rõ hình dạng, có kích thước 0,15m x 0,14m. Đo từ tâm số (8) về hướng mép đường phải 4,10m là tâm số (7), đo đến mép đường phải là 10,35m.

Số (9): Là vùng dịch màu nâu đỏ, nằm trên mặt đường làn đường trái, không rõ hình dạng, có kích thước 0,30mx0,18m. Đo từ tâm số (8) về hướng xã Á 0,70m là tâm số (8), đo đến mép đường phải là 10,60m.

Số (10): Là vết cày trượt nằm trên mặt đường làn đường phải có chiều hướng xã Á đi xã B, chệch chéo từ phải sang trái, có kích thước 19,10m x 0,01m. Đo từ điểm đầu số (10) về hướng xã Á, chệch chéo từ trái sang phải 3,75m là tâm số (9), đo đến mép đường phải là 6,90m. Điểm cuối đo đến mép đường phải là 8,15m

Số (11): Là vị trí xe mô tô BKS 19X1 - 7680 sau khi xảy ra va chạm đổ nghiêng sang trái, nằm trên mặt đường làn đường phải. Đầu xe quay vào mép đường phải, đo từ trục trước xe mô tô về hướng xã Á, chệch chéo từ phải sang trái 18,80m là điểm đầu số (10), đo đến mép đường phải là 7,75m. Đuôi xe quay sang mép đường trái, đo từ trục sau xe mô tô đến mép đường phải là 8,50m

Tại biên bản làm việc ngày 17/10/2023 mở rộng hiện trường theo hướng đi xã Á tại vị trí bên trái đường theo hướng cầu H đi xã Á (bên phải đường theo hướng xã Á đi cầu H) phát hiện 01 biển báo nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên, cách vạch kẻ liền giáp vị trí xảy ra tai nạn là 129,67m (cuối vạch liền theo chiều từ cầu H đi xã Á).

Tại biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông ngày 03/09/2023 đối với xe mô tô BKS 19X1 – 7680 thể hiện:

- Gương chiếu hậu bên phải, trái không có; Đầu tay nắm bên trái phát hiện vết chà sát kích thước 2,5cm x 1,5cm làm hở kim loại; Ốp đèn pha vỡ

kích thước 10cmx10cm, trên bề mặt có vết chà sát theo chiều hướng từ trái qua phải; Mặt nạ phía trước vỡ bung rời khỏi vị trí ban đầu

- Cánh yếm bên phải, trái bung vỡ rời khỏi vị trí ban đầu; Cổ phốt bị đẩy cong từ trước về sau; Chấn bụn phía trước bung rời khỏi vị trí ban đầu; Vành xe phía trước cong vênh, móp méo, các nan hoa bị đứt gãy; Cần số bên trái phía trước bị đẩy cong từ trước về sau, phần đầu cần số phát hiện vết chà sát kích thước 4cm x 3cm;

- Đẻ chân trước bên trái phát hiện vết chà sát kích thước 3cm x 2cm; Đẻ chân sau bên trái bị bể gập từ trên xuống dưới, từ sau về trước, phát hiện vết chà sát ở đầu đẻ chân kích thước 4cm x3,5cm; Giá đẻ hàng bên trái phát hiện vết chà sát kích thước 17cm x2cm; Đầu ốc giảm sóc bên trái phía sau phát hiện vết chà sát kích thước 1cm x1cm.

- Hệ thống điều khiển, đèn, gương không có tác dụng

Tại biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông ngày 03/09/2023 đối với xe mô tô BKS 19H1 – 131.44 thể hiện:

- Gáo gương chiếu hậu bên phải bung rời khỏi vị trí ban đầu; Mặt gương chiếu hậu bên phải bị vỡ; Cụm đèn phía trước bị bung vỡ rời khỏi vị trí ban đầu; Ốp ngoài đầu tay nắm bên phải phát hiện vết chà sát kích thước 0,5cm x1,5cm, chiều hướng từ trước về sau; Ốp ngoài đầu tay nắm bên trái bị cong vênh

- Mặt nạ phía trước bung vỡ rời khỏi vị trí ban đầu; Cánh yếm bên phải, bên trái nứt vỡ; Chấn bụn phía trước bị nứt vỡ; Ống thụt bên phải phát hiện vết chà sát kích thước 12cm x 2cm; Vành xe phía trước bên phải, trên mặt bị móp méo, điểm móp méo cách chân van 50 cm theo chiều kim đồng hồ

- Cần đạp phanh bên phải phát hiện vết chà sát kích thước 3cmx0,2cm; Đẻ chân bên phải phía trước bị đẩy cong từ ngoài vào trong, phần đầu cao su bị mài mòn kích thước 3cmx2,5cm; Cần số bên trái bị đẩy cong từ trước về sau; Giá đẻ hàng bên phải phát hiện vết chà xát kích thước 10cmx2,5cm; Cụm đèn chiếu hậu phía sau bung vỡ rời khỏi vị trí ban đầu.

- Hệ thống lái, đèn, gương không có tác dụng

Tại biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông ngày 03/09/2023 đối với xe mô tô không có BKS có số khung BL9BCBAUMKBL, số máy VBL139FMBTA004158 thể hiện:

- Gương chiếu hậu phải, trái không có; Đầu tay nắm bên trái phát hiện vết chà sát kích thước 3cmx1cm; Ốp phía trước bị bung các chốt cố định; Yếm bên phải, bên trái không có; Càng xe phía trước bị đẩy cong từ trước về sau; Mặt lốp bên phải phát hiện vết quệt trượt kích thước 47cmx3cm, đầu vết quệt trượt cách chân van 25cm theo chiều kim đồng hồ

- Cằm bên trái bị đẩy cong từ dưới lên trên, từ trái qua phải; Đế chân bên trái phía trước bị đẩy cong từ trước về sau, đầu đế chân có dính chất bột màu trắng; Giá đế hàng phía sau bị cong vênh, bị đẩy cong từ sau ra trước

- Cụm đèn phía sau bị gãy gập; Xích xe bị tuột khỏi vị trí ban đầu; Ống xả bên phải bị tuột khỏi vị trí ban đầu; M1 ở phía trước bên trái bị vỡ kích thước 5cmx1cm; Đầu ốc ống thụt bên trái phát hiện vết chà xát kích thước 2cmx2cm.

- Hệ thống lái không có tác dụng

Tại biên bản kiểm tra nồng độ cồn ngày 02/09/2023 thể hiện: Kiểm tra trong hơi thở của Ngô Minh Q thu được kết quả 0,000mg/l khí thở.

Tại biên bản kiểm tra nồng độ cồn ngày 02/09/2023 thể hiện: Kiểm tra trong hơi thở của Bùi Quốc B thu được kết quả 0,000mg/l khí thở.

Tại biên bản Xét nghiệm chất ma túy ngày 03/09/2023 thể hiện: Kiểm tra trong mẫu nước tiểu của Ngô Minh Q không có chứa chất ma túy.

Tại biên bản kiểm tra Sử dụng chất ma túy ngày 03/09/2023 thể hiện: Kiểm tra trong mẫu nước tiểu của Bùi Quốc B không có chứa chất ma túy.

Ngày 05/09/2023 Cơ quan CSĐT công an huyện H ra quyết định trưng cầu giám định số 132, trưng cầu giám định nguyên nhân chết của bà Nguyễn Thị Kim T2. Tại bản kết luận giám định số 1262/KLGĐTT-PC09 ngày 02/10/2023 của Phòng K công an tỉnh P kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Trên cơ thể Nguyễn Thị Kim T2 có tổn thương sây xát, rách da, tụ máu

- Chấn thương sọ não: sây sát, rách da vùng đỉnh phải. Vỡ lún xương đỉnh phải, chảy máu qua đường vỡ xương

- Chấn thương ngực kín: tụ máu bờ dưới xương đòn phải, tràn khí thành ngực hai bên

- Gãy xương đùi phải, gãy phức tạp hai xương cẳng chân phải. Gãy xương cánh tay phải.

* Nghiên cứu hồ sơ:

- Chấn thương sọ não: vết thương vùng trái đỉnh phải, chảy nhiều máu. Lún xương sọ, gãy ngành lên xương hàm dưới bên phải, vỡ xoang hàm phải.

- Chấn thương ngực kín: đụng dập, chảy máu nhu mô phổi phải. Gãy xương sườn 1,2,3,4 bên phải. Vỡ xương bả vai phải. Tràn dịch, khí khoang màng phổi phải. Tràn khí dưới da thành ngực nền cổ

- Gãy xương cánh tay phải, xương trụ phải. Gãy xương đùi phải, xương cẳng chân phải

2. Kết luận: Nguyên nhân chết của Nguyễn Thị Kim T2 là do đa chấn thương.

Ngày 05/09/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện H ra quyết định trưng cầu số 133 giám định nồng độ cồn, ma túy trong máu của bà Nguyễn Thị Kim T2. Tại Kết luận giám định số 1178/KL-KTHS ngày 12/09/2023 của Phòng K Công an tỉnh P kết luận: Trong mẫu máu của tử thi Nguyễn Thị Kim T2 gửi đến giám định *không có cồn (ethanol) và chất ma túy*.

Ngày 10/11/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện H ra quyết định trưng cầu giám định số 168 giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể và cơ chế hình thành thương tích của Ngô Minh Q. Tuy nhiên cả Q và gia đình Q đều kiên quyết từ chối đi giám định.

Ngày 15/11/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện H ra quyết định trưng cầu giám định số 169 giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể và cơ chế hình thành thương tích của Lê Đức A. Tuy nhiên cả Anh và gia đình A đều kiên quyết từ chối đi giám định.

Ngày 07/11/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện H ra Yêu cầu định giá tài sản số 47 yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện H định giá thiệt hại của chiếc xe mô tô BKS 19H1- 131.44; xe mô tô BKS 19X1- 7680 và xe gắn máy có BKS 19AE - 027.62.

Tại kết luận định giá tài sản số 47 ngày 10/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện H. Kết luận: Tổng giá trị các bộ phận hư hỏng và tiền công thay thế, sửa chữa, khắc phục của xe mô tô BKS 19H1-131.44 là 3.180.000 đồng, của xe mô tô BKS 19X1 - 7680 là 1.645.000 đồng, của xe gắn máy có BKS 19AE - 027.62 là 970.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 19X1 - 7680 mà Bùi Đức T là chủ sở hữu hợp pháp, quá trình điều tra đã làm rõ chiếc xe trên T mua của ông Nguyễn Xuân L2, sinh năm 1962 ở khu 2 xã G vào khoảng đầu năm 2022 nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ.

Trong vụ án này trước khi Bùi Quốc B điều khiển xe mô tô va chạm với chị T2 đang ngồi trên đường dẫn đến hậu quả chị T2 bị tử vong thì Ngô Minh Q đã có hành vi điều khiển xe gắn máy không chú ý quan sát biển cảnh báo nguy hiểm, không giảm tốc độ, đồng thời Q đã tắt đèn chiếu sáng phía trước. Do vậy xe gắn máy do Q điều khiển đã va chạm với xe mô tô do chị T2 điều khiển đang sang đường dẫn đến chị T2 bị ngã văng xuống đường, sau đó chị T2 tự ngồi dậy. Hậu quả do Q gây ra chính là nguyên nhân dẫn đến việc xe mô tô do B điều khiển đã đâm vào chị T2, dẫn đến chị T2 bị tử vong. Tuy nhiên tính đến ngày 02/09/2023 thì Ngô Minh Q mới được 15 tuổi 05 tháng 02 ngày, theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự thì Q không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình gây ra. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với Q là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra đã làm rõ chiếc xe gắn máy do Q điều khiển có BKS 19AE - 027.62 là của chị Nguyễn Thị Thu N4, sinh năm 1984 ở khu A, xã P,

huyện H (là mẹ đẻ của Lê Đức A) tối ngày 02/09//2023 Anh đã tự lấy chiếc xe trên để đi chơi mà không hỏi chị N4, sau đó A đã giao chiếc xe trên cho Q điều khiển. Khi Q điều khiển chiếc xe trên đến km 20+ 450, QL70B thuộc địa phận khu D thị trấn H, huyện H thì xảy ra va chạm với xe của chị T2 như đã nêu trên. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị N4 là đúng quy định.

Do hành vi của Ngô Minh Q không phải chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi của A cũng không bị xử lý về hình sự, đồng thời tính đến ngày 02/09/2023 thì Anh mới được 14 tuổi 04 tháng 03 ngày theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự thì Anh không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình gây ra. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với Anh là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Bùi Đức T, quá trình điều tra đã làm rõ T là bố đẻ của Bùi Quốc B, sinh ngày 11/03/2007, mặc dù biết rõ con trai mình không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng khi B hỏi mượn xe để đi chơi, T vẫn đồng ý giao cho B điều khiển chiếc xe mô tô BKS 19X1-7680 (có dung tích xi lanh 107cm³), đồng thời T còn đưa cho B số tiền 50. 000 đồng để B đi đổ xăng. Sau đó B đã điều khiển chiếc xe trên đi đến km 20+ 450 Quốc Lộ G thuộc địa phận khu D thị trấn H, huyện H thì đâm vào chị Nguyễn Thị Kim T2 đang ngồi trên mặt đường (sau khi va chạm với xe của Q) dẫn đến hậu quả chị T2 bị tử vong. Do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra đã khởi tố T về tội Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra thu giữ vật chứng, đồ vật, tài liệu sau:

- 01 xe mô tô BKS 19H1 -131.44
- 01 xe mô tô BKS 19X1 - 7680
- 01 xe mô tô không gắn BKS có số khung RL9BCBAUMKBL04158, số máy VBL139FMBTA004158
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 19X1 - 7680 mang tên Nguyễn Xuân L2
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 19AE - 027.62 mang tên Nguyễn Thị Thu N4

Đối với những vật chứng nêu trên Viện KSND huyện H đã ra quyết định chuyển vật chứng từ Cơ quan CSĐT - Công an huyện H đến Chi cục THADS huyện H chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Bùi Quốc B và gia đình đã bồi thường cho gia đình bị hại Nguyễn Thị Kim T2 tổng số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Ông Nguyễn Mạnh H (chồng chị T2) đã đại diện gia đình bị hại nhận đủ số tiền

trên, không có đề nghị gì khác và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo. Đối với chiếc xe mô tô BKS 19X1 - 7680 mà chị T2 điều khiển, gia đình bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì.

Quá trình điều tra đại diện gia đình người bị hại là ông Nguyễn Mạnh H yêu cầu Ngô Minh Q và gia đình bồi thường cho gia đình ông tổng số tiền là 185.000.000 đồng. Hiện nay gia đình Q đã bồi thường cho gia đình người bị hại tổng số tiền 130.000.000 đồng, ông H đã nhận số tiền trên và yêu cầu Q cùng gia đình tiếp tục bồi thường số tiền 55.000.000 đồng.

Đối với chiếc xe gắn máy có BKS 19AE - 027.62, do xe bị hư hỏng nhẹ nên chủ sở hữu xe chị Nguyễn Thị Thu N4 không có đề nghị gì.

Tại cơ quan điều tra, Bị cáo Bùi Quốc B và Bùi Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, phương tiện, lời khai của người làm chứng, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Về điều kiện kinh tế:

Bị cáo Bùi Quốc B hiện nay đang sinh sống cùng bố mẹ ở trong 01 ngôi nhà xây cấp 4 ở khu B xã G, huyện H, bị cáo không có tài sản riêng.

Bị cáo Bùi Đức T hiện sống cùng gia đình trong 01 ngôi nhà xây cấp 4 trên diện tích đất thuộc sở hữu của vợ chồng bị cáo. Ngoài ra bị cáo không có tài sản gì khác có giá trị.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố theo nội dung bản Cáo trạng số: 06/CT - VKSHH ngày 24/01/2024 truy tố bị cáo Bùi Quốc B về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Bùi Đức T về tội "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ". Theo điểm a khoản 1 Điều 264 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự (đối với B); áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 264, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự (đối với T); điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 47 Bộ luật hình sự ; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 2 Điều 586, Điều 590, Điều 591, khoản 1, 4 Điều 601 Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về “Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

*. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Quốc B uHungfHphạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và bị cáo Bùi Đức T về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”

*. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Quốc B từ 27 (hai mươi bảy) đến 33 (ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Đức T từ 18 (mười tám) đến 21 (hai mươi một) tháng cải tạo không giam giữ (CTKGG). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện H nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo UBND xã G, huyện H, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian CTKGG.

Về khấu trừ thu nhập: Miễn áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Bùi Đức T

Buộc bị cáo Bùi Đức T phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần theo quy định tại Điều 36 BLHS. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

*. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà Nước 01 xe mô tô BKS 19X1 - 7680 nhãn hiệu ESPRO; loại xe nữ; màu sơn Đỏ - ghi; số khung E9A037086; số máy FMH037086 đã qua sử dụng, bị hư hỏng sau vụ tai nạn và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 19X1 – 7680, số 008707 mang tên Nguyễn Xuân L2 (là xe Bùi Đức T mua của ông Nguyễn Xuân L2 vào khoảng đầu năm 2022 nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ). Đây là phương tiện của bị cáo T giao cho bị cáo B sử dụng thực hiện hành vi phạm tội.

- Trả lại cho anh Nguyễn Mạnh H (chồng bị hại Tuyền) 01 xe mô tô BKS 19H1 - 131.44 nhãn hiệu HONDA; màu sơn Đen - trắng; số khung RLHJA3618EY520619; số máy JA36E-0143196 đã qua sử dụng, bị hư hỏng sau vụ tai nạn.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu N4 01 xe mô tô không gắn BKS có số khung RL9BCBAUMKBL04158, số máy VBL139FMBTA004158 đã qua sử dụng, bị hư hỏng sau vụ tai nạn và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 19AE – 027.62, số 026066 mang tên Nguyễn Thị Thu N4.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/01/2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hạ Hòa)

*. Về trách nhiệm dân sự:

Xác nhận bị cáo Bùi Quốc B và gia đình đã bồi thường cho gia đình bị hại Nguyễn Thị Kim T2 tổng số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Anh Nguyễn Mạnh H (chồng chị T2) đại diện gia đình bị hại nhận đủ số tiền trên, không có đề nghị gì khác.

Quá trình điều tra người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngô Minh Q và gia đình đã bồi thường tổng số tiền 130.000.000 đồng, đại diện gia đình người bị hại là anh Nguyễn Mạnh H đã nhận số tiền trên và đề nghị còn phải bồi thường số tiền còn thiếu là 55.000.000đồng theo Giấy cam kết 19/10/2023 và 19/11/2023. Nên buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngô Minh Q tiếp tục phải bồi thường số tiền còn thiếu đã thỏa thuận là 55.000.000đ (năm mươi năm triệu đồng). Trong trường hợp bị cáo không có tài sản để bồi thường thì chị Nguyễn Thị Hồng L1 là người đại diện hợp pháp phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Về án phí: Các bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được miễn theo quy định của pháp luật.

Về án phí bồi thường thiệt hại: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngô Minh Q là trẻ em nên được miễn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Các bị cáo không tranh luận gì về tội danh, mức hình phạt.

Đại diện của bị cáo B là bà Tống Thị N không tranh luận về tội danh. Đề nghị tòa án xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất, để bị cáo có cơ hội sửa sai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị cáo phát biểu quan điểm bảo vệ: Đồng ý với bản luận tội về tội danh, hình phạt và mức bồi thường mà vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa đã trình bày tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo mức phạt nhẹ nhất theo đề nghị của đại diện viện kiểm sát.

Đại diện cho gia đình bị hại tại phiên tòa không có tranh luận gì về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo mức án nhẹ nhất và đề nghị xem xét số tiền bồi thường đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Ngô Minh Q vì không có thiện trí.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử, xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng hình sự: Trong vụ án này các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ buộc tội: Lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 20 giờ 35 phút ngày 02/9/2023, tại km 20+ 450 Quốc Lộ G thuộc địa phận khu D thị trấn H, huyện H, Bùi Quốc B, sinh ngày 11/03/2007 là người dưới 18 tuổi, trú tại khu 2 xã G, huyện H không có giấy phép lái xe theo quy định, không sử dụng rượu, bia, ma túy và chất kích thích mạnh khác điều khiển xe mô tô BKS 19X1-7680 (có dung tích xi lanh 107cm³) đã không giảm tốc độ khi gặp biển báo nguy hiểm và khi nhìn thấy vụ tai nạn giao thông giữa Ngô Minh Q, sinh năm 2008, trú tại khu B xã G, huyện H với chị Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1983 ở khu B thị trấn H, huyện H lúc này chị T2 đang ngồi trên đường (sau khi va chạm với xe của Q) dẫn đến phần bánh xe phía trước của B đã đâm vào phần đuôi xe máy của Q đang đỗ ở phần đường bên phải theo chiều đi của B. Sau đó xe của B mất lái di chuyển về phía trước theo hướng ra giữa đường rồi tiếp tục đâm vào chị T2 đang ngồi trên mặt đường. Hậu quả làm chị T2 tử vong.

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 02/09/2023 tại nhà ở của Bùi Đức T, sinh năm 1978, trú tại khu B xã G, huyện H dù biết rõ con trai là Bùi Quốc B, sinh ngày 11/03/2007 không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng T vẫn đồng ý giao cho B điều khiển chiếc xe mô tô BKS 19X1-7680 (có dung tích xi lanh 107cm³) của T để đi chơi. Đến khoảng 20 giờ 35 phút cùng ngày B điều khiển chiếc xe trên đi đến km 20+ 450 Quốc Lộ G thuộc địa phận khu D thị trấn H, huyện H thì đâm vào chị Nguyễn Thị Kim T2 đang ngồi trên mặt đường (sau khi va chạm với xe của Q) dẫn đến hậu quả chị T2 bị tử vong.

Hành vi của bị cáo Bùi Quốc B đã vi phạm khoản 1, khoản 5 Điều 5 của Thông tư 31/2019/TT - BGTVT và vi phạm khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ.

Điều 5. Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT quy định các trường hợp phải giảm tốc độ

“Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau:

- 1. Có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường*

.....

*5. Qua khu vực có trường học, bệnh viện, bến xe, công trình công cộng hoặc tập chung nhiều người, khu vực đông dân cư, nhà máy, công sở tập trung bên đường, khu vực đang thi công trên đường bộ, **hiện trường xảy ra tai nạn giao thông.***

“Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm

...

- 9. Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định.”*

Hành vi của bị cáo Bùi Đức T đã vi phạm khoản 10 Điều 8 Luật giao thông đường bộ.

“Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm:

...

10. Giao xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cho người không đủ điều kiện để điều khiển xe tham gia giao thông đường bộ.”

Hành vi nêu trên của Bùi Quốc B và Bùi Đức T đã vi phạm quy định của Nhà nước về tham gia giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến tính mạng của người khác.

Như vậy, đã đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Bùi Quốc B đã phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự và hành vi của bị cáo Bùi Đức T đã phạm tội: “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”. Theo điểm a khoản 1 Điều 264 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hoà đã truy tố.

Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ:

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a, Không có giấy phép lái xe theo quy định;”

Điều 264. Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ:

1. Người nào giao cho người mà biết rõ người đó không có giấy phép lái xe hoặc đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:

a, L3 chết người; ”

[3]. Về tính chất của hành vi phạm tội:

Bị cáo Bùi Quốc B phạm tội với lỗi vô ý, nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, xâm hại đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến tính mạng của người khác. Bị cáo Bùi Đức T có hành vi giao phương tiện giao thông đường bộ cho người chưa đủ điều kiện sử dụng phương tiện, dẫn đến gây thiệt hại đến tính mạng của người khác, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo gây hoang mang trong quần chúng nhân dân khi tham gia giao thông, do đó cần phải xử lý nghiêm, mang tính răn đe, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS) đối với các bị cáo.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo B nhân thân chưa từng có tiền án, tiền sự. Bị cáo T đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (TNHS): Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trong quá trình điều tra đại diện gia đình bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự và tại phiên tòa có trình bày đề nghị Hội đồng xét xử xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho được hưởng mức án nhẹ nhất, nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự (BLHS); bị cáo B đã tự nguyện bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho gia đình bị hại, đại diện gia đình bị hại không đề nghị bị cáo bồi thường thêm gì, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo T lần đầu phạm tội với tội ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5]. Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với bị cáo Bùi Quốc Bảo hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần áp dụng hình phạt tù giam, để mang tính dẫn dắt đối với những người khác. Cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, để bị cáo cải tạo, tu dưỡng, rèn luyện trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội. Tuy nhiên, khi phạm tội và đến ngày xét xử bị cáo mới được 16 năm 05 tháng 22 ngày tuổi, bị cáo là người chưa thành niên. Vì vậy, cần áp dụng các điều luật của Bộ luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội; nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, phải bảo đảm lợi ích tốt nhất và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo có nhân thân tốt với nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng mức thấp nhất của khung hình phạt 03 năm tù là phù hợp. Theo khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự quy định: *“1. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội...; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định”*. Như vậy, mức áp dụng đối với bị cáo B không quá $\frac{3}{4}$ là 27 tháng tù.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa cũng căn cứ khoản 1 Điều 101 đề nghị mức án không quá $\frac{3}{4}$ của từ 36 tháng tù đến 44 tháng tù bằng 27 đến 33 tháng tù, xét thấy là hoàn toàn phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 260; khoản 5 Điều 264 BLHS thì “Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Xét thấy các bị cáo không giữ chức vụ gì, bị cáo B hiện chưa thành niên, bị cáo T làm lao động tự do. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[6]. Về vật chứng vụ án:

- Cần tịch thu sung công quỹ Nhà Nước 01 xe mô tô BKS 19X1 - 7680 nhãn hiệu ESPRO; loại xe nữ; màu sơn Đỏ - ghi; số khung E9A037086; số máy FMH037086 đã qua sử dụng, bị hư hỏng sau vụ tai nạn và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 19X1 – 7680, số 008707 mang tên Nguyễn Xuân L2 (xe Bùi Đức T mua của ông Nguyễn Xuân L2 vào khoảng đầu năm 2022 nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ), là phương tiện của T giao cho bị cáo B sử dụng thực hiện hành vi phạm tội là phù hợp.

- Trả lại cho anh Nguyễn Mạnh H (chồng bị hại Tuyên) 01 xe mô tô BKS 19H1 - 131.44 nhãn hiệu HONDA; màu sơn Đen - trắng; số khung RLHJA3618EY520619; số máy JA36E-0143196 đã qua sử dụng, bị hư hỏng sau vụ tai nạn.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu N4 01 xe mô tô không gắn BKS có số khung RL9BCBAUMKBL04158, số máy VBL139FMBTA004158 đã qua sử dụng, bị hư hỏng sau vụ tai nạn và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 19AE – 027.62, số 026066 mang tên Nguyễn Thị Thu N4.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/01/2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hạ Hòa)

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

Cần xác nhận bị cáo Bùi Quốc B và gia đình đã bồi thường cho gia đình bị hại Nguyễn Thị Kim T2 tổng số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Anh Nguyễn Mạnh H (chồng chị T2) đại diện gia đình bị hại nhận đủ số tiền trên, không có đề nghị gì khác.

Quá trình điều tra người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngô Minh Q và gia đình đã bồi thường tổng số tiền 130.000.000 đồng, đại diện gia đình người bị hại là anh Nguyễn Mạnh H đã nhận số tiền trên và đề nghị còn phải bồi thường số tiền còn thiếu là 55.000.000đồng theo Giấy cam kết ngày 19/10/2023 và ngày 19/11/2023. Tại phiên tòa Ngô Minh Q và người đại diện chị Nguyễn Thị Hồng L1 vắng mặt, nhưng ngày 10/4/2024 chị L1 có đơn gửi Tòa án đồng ý trả số tiền còn thiếu là 55.000.000đồng theo thỏa thuận với gia đình bị hại. Nhưng theo chị L1, hiện nay kinh tế gia đình khó khăn, cháu Q hiện vẫn đang điều trị, chưa thể đi lại sau vụ tai nạn. Chị và gia đình cần thêm thời gian để thu xếp bồi thường nốt số tiền trên.

Nên cần buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngô Minh Q tiếp tục phải bồi thường số tiền đã thỏa thuận còn thiếu là 55.000.000đ (năm mươi năm triệu đồng). Do anh Ngô Minh Q là người chưa thành niên thành niên. Theo quy định tại khoản 2 Điều 586 Bộ luật dân sự về năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của cá nhân thì "*Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi gây thiệt hại thì phải bồi thường bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình*". Hiện anh Q không có nghề nghiệp hay thu nhập, sống phụ thuộc vào cha mẹ. Do vậy, đại diện cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngô Minh Q là chị Nguyễn Thị Hồng L1 phải có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho gia đình bị hại số tiền số tiền 55.000.000đ (năm mươi năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

[8]. Về án phí và quyền kháng cáo: Buộc bị cáo Bùi Quốc B và Bùi Đức T phải chịu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, các bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được miễn theo quy định của pháp luật.

Về án phí bồi thường thiệt hại: Ngô Minh Q phải chịu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Q là trẻ em nên được miễn theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và đại diện được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9]. Đối với các vấn đề khác trong vụ án:

Đối với Ngô Minh Q đã có hành vi điều khiển xe gắn máy không chú ý quan sát biển cảnh báo nguy hiểm, không giảm tốc độ, đồng thời Q đã tắt đèn chiếu sáng phía trước. Do vậy xe gắn máy do Q điều khiển đã va chạm với xe mô tô do chị T2 điều khiển đang sang đường dẫn đến chị T2 bị ngã văng xuống đường, sau đó chị T2 tự ngồi dậy. Hậu quả do Q gây ra chính là nguyên nhân dẫn đến việc xe mô tô do B điều khiển đã đâm vào chị T2, dẫn đến chị T2 bị tử vong. Tuy nhiên tính đến ngày 02/09/2023 thì Ngô Minh Q mới được 15 tuổi 05 tháng 02 ngày, theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự thì Q không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình gây ra. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với Q là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe gắn máy do Q điều khiển có BKS 19AE -027.62 là của chị Nguyễn Thị Thu N4, sinh năm 1984 ở khu A, xã P, huyện H (là mẹ đẻ của Lê Đức A) tối ngày 02/09//2023 Anh đã tự lấy chiếc xe trên để đi chơi mà không hỏi chị N4, sau đó A đã giao chiếc xe trên cho Q điều khiển. Khi Q điều khiển chiếc xe trên đến km 20+ 450, QL70B thuộc địa phận khu D thị trấn H, huyện H thì xảy ra va chạm với xe của chị T2 như đã nêu trên. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị N4 là phù hợp.

Đối với hành vi của Lê Đức A do hành vi của Ngô Minh Q không phải chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi của A cũng không bị xử lý về hình sự, đồng thời tính đến ngày 02/09/2023 thì Anh mới được 14 tuổi 04 tháng 03 ngày theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự thì Anh không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình gây ra. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với Anh là đúng quy định của pháp luật.

[10]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự (đối với B); điểm a khoản 1 Điều 264, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự (đối với T); điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 47 Bộ luật hình sự ; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 2 Điều 586, Điều 590, Điều 591, khoản 1, 4 Điều 601 Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Quốc B uHungfHphạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và bị cáo Bùi Đức T về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”

2. Về hình phạt:

- Về hình phạt chính:

Xử phạt: Bị cáo Bùi Quốc B 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Cấm bị cáo Bùi Quốc B đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/4/2024 cho đến khi bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Đức T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ (CTKGG). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện H nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo T cho UBND xã G, huyện H, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian CTKGG.

Về khấu trừ thu nhập: Miễn áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Bùi Đức T

Buộc bị cáo Bùi Đức T phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần theo quy định tại Điều 36 BLHS. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Xác nhận bị cáo Bùi Quốc B và gia đình đã bồi thường cho gia đình bị hại Nguyễn Thị Kim T2 tổng số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Anh Nguyễn Mạnh H (chồng chị T2) đại diện gia đình bị hại nhận đủ số tiền trên, không có đề nghị gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngô Minh Q và gia đình đã bồi thường tổng số tiền 130.000.000 đồng, đại diện gia đình người bị hại là anh Nguyễn Mạnh H đã nhận số tiền trên và đề nghị phải bồi thường số tiền còn thiếu là 55.000.000đồng theo Giấy cam kết ngày 19/10/2023 và ngày 19/11/2023. Nên buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngô Minh Q phải bồi thường tiếp số tiền 55.000.000đ (năm mươi năm triệu đồng). Trong trường hợp Ngô Minh Q không có tài sản để bồi thường thì người đại diện là chị Nguyễn Thị Hồng L1 (mẹ đẻ) phải có nghĩa vụ bồi thường cho gia đình bị hại là anh Nguyễn Mạnh H (chồng chị T2) số tiền 55.000.000đ (năm mươi năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà Nước 01 xe mô tô BKS 19X1 - 7680 nhãn hiệu ESPRO; loại xe nữ; màu sơn Đỏ - ghi; số khung E9A037086; số máy FMH037086 đã qua sử dụng, bị hư hỏng sau vụ tai nạn và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 19X1 - 7680, số 008707 mang tên Nguyễn Xuân L2 (xe Bùi Đức T mua của ông Nguyễn Xuân L2 nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ), là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

- Trả lại cho anh Nguyễn Mạnh H (chồng bị hại Tuyền) 01 xe mô tô BKS 19H1 - 131.44 nhãn hiệu HONDA; màu sơn Đen - trắng; số khung RLHJA3618EY520619; số máy JA36E-0143196 đã qua sử dụng, bị hư hỏng sau vụ tai nạn.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu N4 01 xe mô tô không gắn BKS có số khung RL9BCBAUMKBL04158, số máy VBL139FMBTA004158 đã qua sử dụng, bị hư hỏng sau vụ tai nạn và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 19AE – 027.62, số 026066 mang tên Nguyễn Thị Thu N4.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/01/2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hạ Hòa)

5. Về án phí: Các bị cáo Bùi Quốc B và Bùi Đức T được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí bồi thường thiệt hại: Anh Ngô Minh Q được miễn án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người đại diện cho bị cáo và bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- Cơ quan THAHS -CA huyện Hạ Hòa;
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện Hạ Hòa;
- Sở Tư Pháp tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THA huyện Hạ Hòa;
- UBND nơi b/c cư trú;
- Bị cáo, người đại diện cho bị cáo;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị cáo;
- Đại diện bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đại diện;
- Lưu AV, HS.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đình Yên